



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# **CÔNG BÁO**

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 96 + 97

Ngày 01 tháng 8 năm 2022

## **MỤC LỤC**

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 07-7-2022- Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 15-7-2022- Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 24

### **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 11-7-2022- Quyết định số 2351/QĐ-UBND về việc phân loại đơn vị hành chính phường sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14. 38

- 12-7-2022- Quyết định số 2360/QĐ-UBND về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2022 - 2023 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 41
- 12-7-2022- Quyết định số 2361/QĐ-UBND về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3 sử dụng trong các cơ sở giáo dục tiểu học từ năm học 2022 - 2023 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 58
- 14-7-2022- Quyết định số 2380/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. 64
- 15-7-2022- Quyết định số 2415/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động xây dựng, Quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố. 81

## PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2022/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị  
của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính  
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành*

chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 5269/TTr-VP ngày 05 tháng 7 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2780/BC-STP ngày 20 tháng 6 năm 2022.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành Quy chế**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2022.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; Giám đốc các cơ quan đăng ký đất đai và các tổ chức, cá

---

nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức  
về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Kèm theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND*

*Ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về:

a) Những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; không niêm yết công khai, minh bạch thủ tục hành chính hoặc niêm yết công khai không đầy đủ các thủ tục hành chính tại nơi giải quyết thủ tục hành chính; thủ tục hành chính được niêm yết công khai đã hết hiệu lực thi hành hoặc trái với nội dung thủ tục hành chính được đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

b) Quy định hành chính không phù hợp với thực tế; không đồng bộ, thiếu thống nhất; không hợp pháp hoặc trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập; những vấn đề khác liên quan đến quy định hành chính.

c) Đề xuất phương án xử lý những phản ánh nêu trên hoặc có sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

2. Quy chế này không áp dụng tiếp nhận:

a) Khiếu nại về việc giải quyết thủ tục hành chính; đề nghị xem xét lại quyết

định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật.

b) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính không được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của Nghị định số 20/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng văn bản khác thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo quy định văn bản đó.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành.
2. Các cơ quan đăng ký đất đai.
3. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.
4. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.
5. Người có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và việc thực hiện thủ tục hành chính.

## **Điều 3. Nguyên tắc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị**

1. Tuân thủ pháp luật; đảm bảo quyền được phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cá nhân, tổ chức.
2. Công khai minh bạch về thẩm quyền tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ email, địa chỉ Cổng thông tin điện tử, địa chỉ Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (sau đây gọi chung là Hệ thống phản ánh, kiến nghị).
3. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị theo đúng thẩm quyền.
4. Quy trình tiếp nhận, xử lý cụ thể, rõ ràng, thống nhất và đảm bảo sự phối hợp trong xử lý phản ánh, kiến nghị của các cơ quan hành chính nhà nước.

**Điều 4. Cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị****1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận phản ánh, kiến nghị**

Cơ quan đầu mối tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính).

a) Địa chỉ: số 86 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Số điện thoại chuyên dùng: (08) 38.230.436

c) Địa chỉ thư điện tử: [thutuchanhchinh.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:thutuchanhchinh.ubnd@tphcm.gov.vn)

d) Trang thông tin điện tử: <http://hochiminhcity.gov.vn>

<http://vpub.hochiminhcity.gov.vn>

đ) Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Mục Phản ánh, kiến nghị) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

**2. Trách nhiệm của cơ quan đầu mối tiếp nhận phản ánh, kiến nghị:**

a) Bố trí cán bộ, công chức hoặc bộ phận thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

b) Công bố, công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị theo đúng quy trình quy định tại Quy chế này; hướng dẫn cá nhân, tổ chức đăng ký tài khoản công dân và truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia để gửi, tra cứu tình hình, kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị; liên hệ và đề nghị cá nhân, tổ chức cập nhật, bổ sung đầy đủ nội dung có liên quan đến phản ánh, kiến nghị trong trường hợp các phản ánh, kiến nghị chưa rõ ràng hoặc thiếu nội dung cần thiết hoặc trường hợp cần xác thực, làm rõ các thông tin liên quan.

d) Cập nhật đầy đủ các phản ánh, kiến nghị được gửi bằng văn bản, điện thoại, fax, thư điện tử vào Cổng Dịch vụ công quốc gia để xử lý.

đ) Tuân thủ đúng quy trình, thời hạn tiếp nhận, phân loại xử lý, cập nhật, đăng tải công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.

e) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị



của các cơ quan, đơn vị.

g) Trường hợp cần thiết, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có thể liên hệ, trao đổi với cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị hoặc tổ chức họp với sự tham gia của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; cơ quan đăng ký đất đai để làm rõ những vấn đề có liên quan đến việc xử lý các phản ánh, kiến nghị theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

3. Cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị: các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; các cơ quan đăng ký đất đai là cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, việc thực hiện thủ tục hành chính theo ngành, lĩnh vực hoặc thuộc thẩm quyền xử lý.

4. Trách nhiệm của cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị:

a) Hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, việc thực hiện thủ tục hành chính theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 8 của Quy chế này.

b) Mỗi cơ quan, đơn vị phân công 02 cán bộ, công chức, viên chức là cán bộ đầu mối thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, có tài khoản công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, làm đầu mối tiếp nhận, cập nhật kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị.

c) Xử lý phản ánh, kiến nghị do Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chuyển đến đảm bảo quy trình, thời gian và quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức; trường hợp cần thiết phải tham gia họp để làm rõ những vấn đề có liên quan đến nội dung phản ánh, kiến nghị.

## **Điều 5. Quyền và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị**

1. Cá nhân, tổ chức có quyền phản ánh, kiến nghị với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) về quy định hành chính và việc thực hiện thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; cơ quan đăng ký đất đai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Có quyền yêu cầu cơ quan hành chính nhà nước đã tiếp nhận thông báo về tình hình xử lý phản ánh, kiến nghị.

3. Phản ánh, kiến nghị phải được trình bày với các cơ quan hành chính nhà nước một cách rõ ràng, trung thực, có căn cứ.

4. Có quyền lựa chọn 01 trong các hình thức quy định tại Điều 8 Quy chế này để gửi phản ánh, kiến nghị; khuyến khích sử dụng hình thức gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; không gửi cùng nội dung bằng nhiều hình thức và gửi tới nhiều cơ quan khác nhau.

5. Phản ánh, kiến nghị theo đúng nội dung, hình thức, yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy chế này.

6. Có thái độ đúng mực, tôn trọng và chấp hành sự hướng dẫn của người tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; chịu trách nhiệm về nội dung phản ánh, kiến nghị.

#### **Điều 6. Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; Giám đốc các cơ quan đăng ký đất đai có trách nhiệm tổ chức niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này tại trụ sở cơ quan nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu cơ quan đã có Trang thông tin điện tử).

2. Việc công khai phải đảm bảo riêng biệt, không ghép chung hoặc bị che lấp bởi các nội dung công khai thủ tục hành chính. Trường hợp niêm yết tại trụ sở thì nội dung công khai được trình bày trên trang giấy tối thiểu là khổ A4; sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman), cỡ chữ tối thiểu là 14 theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6009:2001.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm thực hiện việc công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên Trang thông tin điện tử của Thành phố.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ**

#### **Điều 7. Nội dung phản ánh, kiến nghị**

1. Phản ánh, kiến nghị về những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước như: từ chối thực hiện, kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính; tự ý yêu cầu, bổ sung, đặt thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; hành vi không hướng dẫn hoặc hướng dẫn không đầy đủ, chính xác về thủ tục hành chính; sách nhiễu, gây phiền hà, đùn đẩy trách nhiệm; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của cán bộ, công chức, viên chức.

2. Phản ánh, kiến nghị về nội dung quy định hành chính, gồm: sự không phù hợp với thực tế, sự không đồng bộ, không thống nhất của các quy định hành chính; quy định hành chính không hợp pháp, trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập hoặc những vấn đề khác liên quan đến quy định hành chính.

3. Phương án xử lý những phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thủ tục hành chính tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

5. Phản ánh, kiến nghị trong khai thác, sử dụng dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia:

a) Thủ tục hành chính đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công Thành phố, hoặc đã được đăng tải nhưng không đầy đủ, chính xác.

b) Thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành, bị bãi bỏ nhưng vẫn được đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công Thành phố.

c) Sự không thống nhất giữa thủ tục hành chính được đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính với thủ tục hành chính được công khai tại nơi giải quyết thủ tục hành chính; giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính

với Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công Thành phố.

d) Sự không thống nhất giữa thủ tục hành chính được giải quyết với thủ tục hành chính được công khai tại nơi giải quyết thủ tục hành chính và được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công Thành phố.

đ) Thủ tục hành chính còn gây khó khăn, vướng mắc, bất cập, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân.

### **Điều 8. Hình thức và yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị**

Cá nhân, tổ chức lựa chọn 01 trong các hình thức để gửi phản ánh, kiến nghị. Khuyến khích sử dụng hình thức gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

#### **1. Hình thức phản ánh, kiến nghị bằng văn bản:**

Cá nhân, tổ chức chuyển văn bản (sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, thể hiện rõ nội dung phản ánh, kiến nghị; ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại hoặc địa chỉ thư tín khi cần liên hệ) đến Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính, thư điện tử hoặc Trang thông tin điện tử.

#### **2. Hình thức phản ánh, kiến nghị bằng điện thoại:**

Cá nhân, tổ chức chỉ thực hiện phản ánh, kiến nghị thông qua số điện thoại chuyên dùng đã công bố, công khai; sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, trình bày rõ nội dung phản ánh, kiến nghị; thông báo tên, địa chỉ, số điện thoại hoặc địa chỉ thư tín khi cần liên hệ.

Cán bộ, công chức tiếp nhận phải thể hiện trung thực nội dung phản ánh, kiến nghị bằng văn bản và cập nhật nội dung phản ánh, kiến nghị vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị.

#### **3. Hình thức phản ánh, kiến nghị bằng Phiếu lấy ý kiến:**

Chỉ áp dụng khi các cơ quan hành chính nhà nước muốn lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính cụ thể; nội dung Phiếu lấy ý kiến sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, phải thể hiện rõ những vấn đề cần lấy ý kiến; việc gửi Phiếu lấy ý kiến đến các cá nhân, tổ chức thực hiện thông qua một hoặc nhiều cách thức sau: trực tiếp tại trụ sở cơ quan, gửi công văn, qua phương tiện thông tin đại chúng, thư điện tử hoặc công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan muốn lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức.

4. Hình thức phản ánh, kiến nghị gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia:

Cá nhân, tổ chức phải có tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, thể hiện rõ nội dung phản ánh, kiến nghị; cung cấp đầy đủ thông tin về tên, địa chỉ liên hệ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

### **Chương III**

## **TIẾP NHẬN, XỬ LÝ VÀ TRẢ LỜI PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ**

### **Mục I**

## **QUY TRÌNH, THỜI GIAN TIẾP NHẬN, XỬ LÝ VÀ TRẢ LỜI PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ**

### **Điều 9. Quy trình chung**

1. Tiếp nhận, phân loại, chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý:

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) đăng nhập vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị để tiếp nhận, phân loại, cập nhật các phản ánh, kiến nghị bằng văn bản, điện thoại vào Hệ thống; chuyển phản ánh, kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

2. Xử lý phản ánh, kiến nghị:

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; cơ quan đăng ký đất đai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đăng nhập vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị để tiếp nhận, xử lý và cập nhật kết quả hoặc tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị vào Hệ thống.

3. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị:

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đăng nhập vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị để kiểm tra, cập nhật công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.

### **Điều 10. Thời hạn tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị**

1. Thời hạn tiếp nhận, phân loại, chuyển xử lý: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị trực tiếp từ cá nhân, tổ chức; hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị từ Văn phòng Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương khác chuyển đến Thành phố.

2. Thời hạn xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị:

a) Phản ánh, kiến nghị về việc thực hiện thủ tục hành chính: trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị đối với phản ánh, kiến nghị được gửi trực tiếp đến Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; hoặc trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị đối với phản ánh, kiến nghị do Văn phòng Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương khác chuyển đến Thành phố.

b) Phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị.

c) Trường hợp hết thời hạn mà chưa xử lý xong, các cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị thực hiện cập nhật tiến độ xử lý vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị và định kỳ cứ sau 03 ngày làm việc, gửi kết quả hoặc tiến độ xử lý tiếp theo đến hộp thư điện tử [thutuchanhchinh.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:thutuchanhchinh.ubnd@tphcm.gov.vn) để Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố cập nhật tình hình xử lý vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị.

3. Thời hạn công khai kết quả xử lý: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản hồi của cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị.

## Mục II

### QUY TRÌNH CỤ THỂ VỀ TIẾP NHẬN, ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ CHUYỂN XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ

#### **Điều 11. Phản ánh, kiến nghị bằng văn bản**

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) thực hiện:

1. Nhận phản ánh, kiến nghị.
2. Nghiên cứu, đánh giá, phân loại và chuyển xử lý phản ánh, kiến nghị:

a) Trường hợp phản ánh, kiến nghị không đáp ứng nội dung, yêu cầu theo quy định tại Điều 7, khoản 1 Điều 8 Quy chế này: lưu hồ sơ nếu đơn, thư có nội dung phản ánh, kiến nghị nhưng không xác định rõ tên, địa chỉ, số điện thoại của cá nhân, tổ chức phản ánh, kiến nghị; hoặc trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được, thông báo cho cá nhân, tổ chức về việc không tiếp nhận (nêu rõ lý do) nếu đơn, thư có nội dung không đúng quy định tại Điều 7 Quy chế này.

b) Trường hợp phản ánh, kiến nghị chưa rõ nội dung theo quy định tại Điều 7

Quy chế này: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được, đề nghị cá nhân, tổ chức bổ sung, làm rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

c) Trường hợp phản ánh, kiến nghị đáp ứng nội dung, yêu cầu theo quy định tại Điều 7, khoản 1 Điều 8 Quy chế này: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận, cập nhật vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị và chuyển đến cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị nếu thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc chuyển đến Bộ, ngành, địa phương khác nếu không thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 12. Phản ánh, kiến nghị bằng điện thoại**

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) thực hiện:

1. Nhận thông tin phản ánh, kiến nghị.

2. Đánh giá, phân loại và chuyển xử lý phản ánh, kiến nghị:

a) Trường hợp phản ánh, kiến nghị không đáp ứng nội dung, yêu cầu theo quy định tại Điều 7, khoản 2 Điều 8 Quy chế này: không tiếp nhận và thông tin rõ lý do để cá nhân, tổ chức biết.

b) Trường hợp phản ánh, kiến nghị chưa rõ nội dung theo quy định tại Điều 7 Quy chế này hoặc chưa đáp ứng các nội dung, yêu cầu quy định tại Điều 7, khoản 2 Điều 8 Quy chế này nhưng không thuộc thẩm quyền quyết định, phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh: hướng dẫn cá nhân, tổ chức làm rõ nội dung phản ánh, kiến nghị; đăng ký tài khoản và đăng nhập Cổng Dịch vụ công quốc gia (Mục phản ánh kiến nghị) để gửi phản ánh, kiến nghị.

c) Trường hợp phản ánh, kiến nghị đáp ứng nội dung, yêu cầu theo quy định tại Điều 7, khoản 2 Điều 8 Quy chế này: hướng dẫn cá nhân, tổ chức đăng ký tài khoản và đăng nhập Cổng Dịch vụ công quốc gia (Mục phản ánh kiến nghị) để gửi phản ánh, kiến nghị; hoặc ghi nhận, cập nhật đầy đủ, chính xác nội dung phản ánh, kiến nghị vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị và trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận, chuyển phản ánh, kiến nghị đến cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị để xử lý theo thẩm quyền.

### **Điều 13. Phản ánh, kiến nghị thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia**

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) thực hiện:

1. Đăng nhập Hệ thống phản ánh, kiến nghị.

2. Nghiên cứu, đánh giá, phân loại và chuyển xử lý phản ánh, kiến nghị:

a) Trường hợp phản ánh, kiến nghị không đúng nội dung, yêu cầu theo quy định tại Điều 7, khoản 4 Điều 8 Quy chế này: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị, thông tin cho cá nhân, tổ chức việc không tiếp nhận và nêu rõ lý do.

b) Trường hợp phản ánh, kiến nghị chưa rõ nội dung quy định tại Điều 7 Quy chế này: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh, đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, làm rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

c) Trường hợp phản ánh, kiến nghị đáp ứng các nội dung, yêu cầu quy định tại Điều 7, khoản 4 Điều 8 Quy chế này nhưng không thuộc thẩm quyền quyết định, phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được, chuyển phản ánh, kiến nghị tới Bộ, ngành, địa phương khác.

d) Trường hợp phản ánh, kiến nghị đáp ứng các nội dung, yêu cầu quy định tại Điều 7, khoản 4 Điều 8 Quy chế này thuộc thẩm quyền quyết định, phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được, thực hiện tiếp nhận và chuyển đến cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị để xử lý.

đ) Trường hợp phản ánh, kiến nghị do Văn phòng Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương khác chuyển đến: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được, chuyển đến cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị để xử lý; hoặc trả lại Văn phòng Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương.

### Mục III

#### QUY TRÌNH CỤ THỂ VỀ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ

**Điều 14. Phản ánh, kiến nghị về những vướng mắc cụ thể trong thực hiện thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này**

1. Phản ánh, kiến nghị được cá nhân, tổ chức gửi trực tiếp đến Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị từ Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chuyển qua Hệ thống phản ánh, kiến nghị.

b) Xử lý phản ánh, kiến nghị.



c) Cập nhật kết quả hoặc tiến độ xử lý vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị.

2. Phản ánh, kiến nghị tiếp nhận từ Văn phòng Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương khác:

a) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị từ Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chuyển qua Hệ thống phản ánh, kiến nghị.

b) Xử lý phản ánh, kiến nghị.

c) Cập nhật kết quả hoặc tiến độ xử lý vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị.

3. Yêu cầu đối với nội dung phản hồi phản ánh, kiến nghị: cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị cần phản hồi trực tiếp, đầy đủ các vấn đề phản ánh, kiến nghị đã đề cập; nêu rõ lý do và cơ sở pháp lý của việc chậm giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung thêm giấy tờ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ của cá nhân, tổ chức; đề xuất hoặc đưa ra giải pháp xử lý đối với hồ sơ và phản ánh, kiến nghị.

**Điều 15. Phản ánh, kiến nghị về nội dung quy định hành chính quy định tại khoản 2 và điểm đ khoản 5 Điều 7 Quy chế này thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân Thành phố**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ quy định hành chính theo thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị, trả lời nêu rõ thời hạn hoàn thành việc xử lý nội dung phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính cho cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

**Điều 16. Phản ánh, kiến nghị về nội dung quy định hành chính quy định tại khoản 2 và điểm đ khoản 5 Điều 7 Quy chế này thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu các quy định pháp luật có liên quan đến nội dung phản ánh, kiến nghị để đánh giá theo tiêu chí (sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân

thủ đối với thủ tục hành chính) và phân loại: phản ánh, kiến nghị chưa đủ cơ sở xem xét xử lý, cần tiếp tục tổng hợp để nghiên cứu; phản ánh, kiến nghị có đủ cơ sở để xem xét xử lý.

b) Đối với phản ánh, kiến nghị có đủ cơ sở để xem xét, xử lý, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chuyển phản ánh, kiến nghị đến sở, ban, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo ngành quản lý để xử lý.

c) Theo dõi, đôn đốc việc xử lý phản ánh, kiến nghị của các sở, ban, ngành; báo cáo kết quả xử lý cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu các quy định pháp luật có liên quan đến nội dung phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thủ tục hành chính theo lĩnh vực quản lý.

b) Phản hồi nêu rõ thời hạn hoàn thành việc xử lý nội dung phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính cho cá nhân, tổ chức trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị.

c) Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ quy định hành chính. Trường hợp có quy định về thủ tục hành chính phải thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi bổ sung) và Thông tư số 03/2022/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 10 tháng 02 năm 2022 ban hành Thông tư hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

### **Điều 17. Phản ánh, kiến nghị quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 Điều 7 Quy chế này**

1. Đối với phản ánh, kiến nghị quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 7 Quy chế này, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tiến hành rà soát, kiểm tra và cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác thủ tục hành chính còn hiệu lực trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công Thành phố.

2. Đối với phản ánh, kiến nghị quy định tại điểm c, d khoản 5 Điều 7 Quy chế này, cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị từ Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố

chuyển qua Hệ thống phản ánh, kiến nghị.

b) Kiểm tra, đối chiếu với Quyết định công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính của Bộ, ngành và quy định về thủ tục hành chính tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

c) Cập nhật chính xác nội dung thủ tục hành chính theo quy định hiện hành; đồng thời, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị, cập nhật kết quả hoặc tiến độ xử lý vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị.

#### **Mục IV**

### **QUY TRÌNH CÔNG KHAI KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ**

#### **Điều 18. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị**

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản hồi của cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm kiểm tra, cập nhật công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị.

2. Trường hợp kết quả trả lời không phù hợp, không đúng với nội dung phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản hồi, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trả lại phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị để yêu cầu cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị xử lý lại.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xử lý lại của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, cơ quan xử lý phản ánh, kiến nghị cập nhật nội dung trả lời vào Hệ thống phản ánh, kiến nghị.

#### **Điều 19. Hình thức công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị**

Việc công khai được thực hiện thông qua một hoặc nhiều hình thức sau:

1. Đăng tải trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trên Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử (website) của cơ quan;

2. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;

3. Gửi văn bản thông báo cho cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị;

#### 4. Các hình thức khác.

### **Chương V** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 20. Trách nhiệm thi hành**

##### 1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố giúp Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc chỉ đạo thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên địa bàn Thành phố; chịu trách nhiệm theo dõi việc chấp hành Quy chế này; tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; cơ quan đăng ký đất đai thực hiện việc niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức; thực hiện việc xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thủ tục hành chính theo đúng quy định.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy định hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ thực hiện những quy định hành chính, thủ tục hành chính theo quy định.

d) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra và kịp thời đề xuất biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức tại các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; cơ quan đăng ký đất đai.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; Giám đốc các cơ quan đăng ký đất đai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Trực tiếp chỉ đạo thực hiện, nghiêm túc; xử lý dứt điểm, kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính.

b) Nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính liên quan đến hai hay nhiều sở, ban, ngành và không thống nhất được về phương án xử lý; những phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính đã được Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý nhưng cá nhân, tổ chức vẫn tiếp tục phản ánh, kiến nghị; những phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành.

### **Điều 21. Kinh phí thực hiện**

1. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán kinh phí không tự chủ hàng năm của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Giao Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí theo quy định.

### **Điều 22. Chế độ thông tin báo cáo**

Chế độ thông tin báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính được thực hiện trong nội dung của báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ).

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị gửi kiến nghị về Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

## PHỤ LỤC

### **Nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức**

### **TIẾP NHẬN PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mong nhận được phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo các nội dung sau đây:

- Những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước như: từ chối thực hiện, kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính; tự ý yêu cầu, bổ sung, đặt thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; hành vi không hướng dẫn hoặc hướng dẫn không đầy đủ, chính xác về thủ tục hành chính; sách nhiễu, gây phiền hà, đùn đẩy trách nhiệm; không niêm yết công khai, minh bạch thủ tục hành chính hoặc niêm yết công khai không đầy đủ các thủ tục hành chính tại nơi giải quyết thủ tục hành chính; thủ tục hành chính được niêm yết công khai đã hết hiệu lực thi hành hoặc trái với nội dung thủ tục hành chính được đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

- Quy định hành chính không phù hợp với thực tế; không đồng bộ, thiếu thống nhất; không hợp pháp hoặc trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập; những vấn đề khác liên quan đến quy định hành chính.

- Đề xuất phương án xử lý những phản ánh nêu trên hoặc có sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

### **Phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận theo một trong các cách thức sau:**

- Gửi qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Mục phản ánh, kiến nghị) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

- Gửi đến Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố

Địa chỉ: Số 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Số điện thoại chuyên dùng: (028) 38.230.436

---

- Địa chỉ thư điện tử: [thutuchanhchinh.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:thutuchanhchinh.ubnd@tphcm.gov.vn)

**Lưu ý:**

- Phản ánh, kiến nghị phải sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; ghi rõ nội dung phản ánh, kiến nghị;
- Ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại (hoặc địa chỉ thư tín) của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị;
- Không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2022/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy định về quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật -*



QCVN 07:2016/BXD;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5285/TTr-SXD-HTKT ngày 18 tháng 5 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3629/STP-VB ngày 12 tháng 10 năm 2021.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Công an Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện; Thủ trưởng các đơn vị và mọi tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND  
ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định về các hoạt động lĩnh vực chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng và đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị.

2. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khi tham gia các hoạt động liên quan đến lĩnh vực chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phải chấp hành quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 2. Giải thích một số từ ngữ**

Trong Quy định này, một số từ ngữ, khái niệm được nêu tại Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị như sau:

1. Hoạt động chiếu sáng đô thị: Quy hoạch, đầu tư phát triển và tổ chức chiếu sáng đô thị; quản lý và vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị.

2. Chiếu sáng đô thị: Chiếu sáng các công trình giao thông; chiếu sáng không gian công cộng; chiếu sáng mặt ngoài công trình; chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng khu vực lễ hội; chiếu sáng dân lập.

3. Chiếu sáng công cộng đô thị: Chiếu sáng công trình giao thông, chiếu sáng không gian công cộng trong đô thị.

4. Chiều sáng dân lập: Là bộ phận của hệ thống chiếu sáng đô thị, hệ thống chiếu sáng dân lập dùng để chiếu sáng đối với hẻm, đường nội bộ liên khu phố, liên tổ dân phố trên địa bàn Thành phố có kích thước nhỏ, chiều rộng  $\leq 3m$ .

5. Đơn vị có thẩm quyền quản lý hệ thống chiếu sáng đô thị: Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ sở hữu, tổ chức quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng và đầu tư xây dựng.

6. Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị: Là công tác quản lý vận hành và duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị, nhằm đảm bảo việc nắm bắt tình hình hoạt động để lập công tác cải tạo, sửa chữa đảm bảo hệ thống chiếu sáng đô thị hoạt động ổn định.

7. Hệ thống chiếu sáng đô thị: Là hệ thống vật tư, thiết bị của tủ điện điều khiển, dây cáp dẫn điện, bộ đèn, trụ đèn, cần đèn, hệ thống tiếp địa phục vụ cho hoạt động chiếu sáng công cộng đô thị.

8. Trung tâm điều khiển chiếu sáng đô thị: Bao gồm trung tâm điều khiển hệ thống chiếu sáng đô thị, mạng lưới thông tin tín hiệu của hệ thống chiếu sáng và các tủ điều khiển chiếu sáng.

9. Công tác duy trì trạm đèn: Là quá trình thực hiện các công việc giám sát an toàn điện, kiểm tra lưới đèn chiếu sáng, vệ sinh tủ điều khiển, kiểm tra các thiết bị trong tủ, đo đạc các thông số điện áp, dòng điện từng pha, dòng điện trung tính, ghi vào phiếu kiểm tra đặt bên trong tủ điều khiển.

10. Tỷ lệ bóng sáng: Là tỷ số giữa số lượng đèn hoạt động bình thường trên tổng số đèn lắp đặt trên một tủ điều khiển.

11. Đơn vị được ký hợp đồng quản lý vận hành và duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị: Là đơn vị có đủ điều kiện và năng lực được lựa chọn theo phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch.

### **Điều 3. Nguyên tắc về quản lý và phát triển hệ thống chiếu sáng đô thị**

1. Hệ thống chiếu sáng đô thị được quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng và đầu tư xây dựng phù hợp theo quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn xây dựng hiện hành; đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị, bảo vệ môi trường; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; không sử dụng nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng đô thị vào mục đích khác; sử dụng nguồn sáng và thiết bị chiếu sáng được cấp Giấy chứng nhận

sản phẩm tiết kiệm năng lượng hoặc dán nhãn tiết kiệm năng lượng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Khi lập quy hoạch đô thị phải có hệ thống chiếu sáng đô thị; việc phát triển và đầu tư chiếu sáng đô thị phải theo quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch chiếu sáng đô thị được phê duyệt và những quy định hiện hành khác.

3. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ hệ thống chiếu sáng đô thị, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng hệ thống chiếu sáng đô thị.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện và Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ sở hữu, tổ chức quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng và đầu tư xây dựng chiếu sáng đô thị trên địa bàn được giao quản lý.

5. Sở Xây dựng là cơ quan quản lý nhà nước về chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Sở Xây dựng chủ trì tổ chức tiếp nhận và phân công, giao quản lý hệ thống chiếu sáng đô thị từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị cho đơn vị có thẩm quyền quản lý hệ thống chiếu sáng đô thị.

7. Sở Xây dựng chủ trì tổ chức xây dựng và ban hành hướng dẫn về yêu cầu kỹ thuật khi đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị để các đơn vị thực hiện.

8. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị; sản xuất, sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện theo đúng quy định. Khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo để cấp điện cho hệ thống chiếu sáng đô thị.

## **Chương II**

### **QUY HOẠCH, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ DUY TRÌ HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ**

#### **Điều 4. Quy hoạch hệ thống chiếu sáng đô thị**

1. Quy hoạch hệ thống chiếu sáng đô thị phải phù hợp với yêu cầu, mục tiêu của quy hoạch đô thị và phát triển đô thị; phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh

tế, xã hội, tính chất, chức năng và đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh; đảm bảo đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật và phù hợp với các công trình và khu vực được chiếu sáng; tuân thủ theo quy định của Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị và quy định khác của pháp luật khác liên quan.

2. Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì việc tổ chức, phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan thực hiện lập quy hoạch chiếu sáng đô thị; có nhiệm vụ quản lý và thực hiện quy hoạch chiếu sáng đô thị.

### **Điều 5. Thiết kế hệ thống chiếu sáng đô thị**

1. Thiết kế hệ thống chiếu sáng đô thị phải đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch chiếu sáng đô thị được phê duyệt và những quy định hiện hành khác. Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị đối với từng loại công trình hoặc từng khu vực được chiếu sáng. Bảo đảm các yếu tố trang trí, mỹ quan và phù hợp với chức năng của công trình hoặc từng khu vực được chiếu sáng. Có giải pháp sử dụng nguồn sáng, thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện trong từng thiết kế từng công trình hoặc từng khu vực được chiếu sáng.

2. Các công trình chiếu sáng đô thị phải đảm bảo độ bền, ổn định, an toàn trong suốt quá trình làm việc của chúng dưới tác động của điều kiện tự nhiên. Số liệu về điều kiện tự nhiên dùng trong thiết kế và xây dựng công trình chiếu sáng phải tuân theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02:2009/BXD số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng ban hành theo Thông tư số 29/2009/TT-BXD ngày 14 tháng 8 năm 2009 của Bộ Xây dựng.

3. Thiết kế hệ thống chiếu sáng đô thị tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị quy định cho từng loại công trình giao thông tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-7:2016/BXD Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng.

4. Vị trí lắp dựng trụ đèn phải có khả năng định hướng đi cho người điều khiển phương tiện giao thông. Tại các đoạn đường uốn lượn, trụ đèn phải lắp dựng ở đường cong ngoài của đoạn uốn. Không để cây xanh che ánh sáng đèn trong phạm vi mặt đường thiết kế chiếu sáng.

5. Chiếu sáng công trình giao thông cho xe có động cơ

a) Chiếu sáng đường, phố

Thiết kế chiếu sáng phải bảo đảm làm lộ rõ tất cả các đặc điểm của đường và của dòng giao thông, giúp người điều khiển phương tiện giao thông tiếp nhận đầy đủ thông tin từ các quang cảnh luôn thay đổi phía trước để có thể điều khiển phương tiện giao thông an toàn với tốc độ hợp lý cho phép. Ngoài việc đảm bảo đủ ánh sáng theo quy định phải tạo được tính định hướng giúp người điều khiển phương tiện giao thông nhận biết rõ ràng hướng tuyến.

Thiết kế chiếu sáng phải tạo ra độ chói cần thiết để mắt nhận biết các chi tiết nhỏ, ở độ tương phản thấp với tốc độ cao, tương ứng tình hình giao thông; độ chói phải đồng đều trên mặt đường theo cả phương dọc và phương ngang, hạn chế sự xuất hiện các khoảng tối, không gây lóa mắt người điều khiển phương tiện giao thông. Sử dụng trụ đèn, cần đèn và bộ đèn có hình dáng phù hợp với từng khu vực, tuyến đường, có tính thẩm mỹ, phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan môi trường xung quanh.

b) Chiếu sáng tại nút giao thông

Thiết kế chiếu sáng phải tạo điều kiện để người điều khiển phương tiện giao thông phát hiện được cả sơ đồ nút giao thông và hoạt động giao thông. Phải bảo đảm cho người điều khiển phương tiện giao thông có thể nhìn thấy vị trí các mép vỉa hè và các mốc đường, các chiều của đường, sự có mặt của người đi bộ hoặc các chướng ngại, sự chuyển động của tất cả các loại xe gần nút giao thông và trước khi vào nút giao.

Tại các nút giao thông phải:

Các giá trị chiếu sáng phải đạt hoặc cao hơn yêu cầu chiếu sáng đường tối thiểu 10% và tối đa là 20%.

Độ chói mặt đường yêu cầu trên toàn nút giao thông không được nhỏ hơn độ chói trên mặt các đường chính dẫn tới nút.

Phải có phần mềm chuyên dụng để thể hiện Bảng tính toán chiếu sáng độ chói lóa G hoặc TI max.

Tại các nút giao thông, phải bố trí cột đèn tại các lối đi bộ qua đường.

c) Chiếu sáng trên các cầu và đường trên cao: Thiết kế chiếu sáng trên cầu phải tương đồng với chiếu sáng của phần đường nối tiếp với cầu. Chỉ sử dụng đèn chiếu sáng loại được che hoàn toàn để tránh gây lóa cho người đi ở phía dưới.

d) Chiếu sáng đường hầm: Chiếu sáng bên trong đường hầm được tính toán tuân thủ tiêu chuẩn CIE 88:2004. Dọc theo lối vào, vùng cửa hầm, vùng chuyển tiếp, vùng trong hầm, vùng cuối đường hầm và lối ra phải đảm bảo yêu cầu độ chói không thay đổi đột ngột.

đ) Chiếu sáng các đường gần sân bay, đường xe lửa, bến cảng

Khu vực gần sân bay, chiếu sáng đường không được gây nhầm lẫn với hệ thống đèn tín hiệu cất, hạ cánh của sân bay.

Chiếu sáng đường tại nút giao với đường sắt: Thiết kế chiếu sáng phải đảm bảo dễ phân biệt rõ xe cộ, lối đi, chướng ngại vật và người bộ hành; Đảm bảo độ rọi đứng dễ phân biệt rõ các bảng thông tin tín hiệu. Màu của đèn chiếu sáng không được lẫn lộn với màu của đèn tín hiệu đường sắt; Mặt đường phải có độ chói và hệ số đồng đều độ chói cao hơn phần mặt đường kế cận 10%.

e) Chiếu sáng bãi đỗ xe

Thiết kế chiếu sáng đối với điểm đỗ xe ngoài trời ở trung tâm đô thị và điểm đỗ xe ngoài trời ở ngoài trung tâm đô thị phải đảm bảo độ rọi ngang trung bình và độ rọi ngang tối thiểu theo quy định; độ rọi đứng đạt 50% giá trị độ rọi ngang.

## 6. Chiếu sáng không gian công cộng trong đô thị

Quảng trường, lối đi trong công viên, vườn hoa, công vào sân vận động, khu triển lãm, sân trước các công trình công cộng, ven hồ nước, ven hai bên bờ sông, ven bờ biển phải được thiết kế chiếu sáng. Thiết kế chiếu sáng phải góp phần làm tăng thẩm mỹ không gian đô thị, kết hợp hài hòa giữa các yếu tố cảnh quan như cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa, mặt nước với các công trình kiến trúc, tượng đài, đài phun nước và các công trình khác có liên quan.

Giảm tối thiểu số lượng cột đèn chiếu sáng không gian công cộng bằng cách sử dụng tối đa tường hồi của các công trình kiến trúc kế cận làm nơi lắp đặt thiết bị chiếu sáng.

## 7. Chiếu sáng mặt ngoài các công trình trong đô thị

Các công trình kiến trúc, xây dựng; công trình di tích lịch sử, văn hóa, thể thao; tháp truyền hình; ăng ten thu, phát sóng có kiểu dáng, hình ảnh và vị trí tạo điểm nhấn đô thị hoặc ảnh hưởng đến kiến trúc và cảnh quan đô thị phải được chiếu sáng mặt ngoài hoặc một phần mặt ngoài của công trình. Hệ thống chiếu sáng trang trí vận hành theo 02 chế độ: chế độ ngày thường và chế độ ngày chủ nhật, ngày lễ, tương

ứng với các công suất tiêu thụ khác nhau để đảm bảo thẩm mỹ và tiết kiệm điện. Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng các công trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện chiếu sáng theo hướng dẫn của Sở Xây dựng.

#### 8. Chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng phục vụ lễ hội

Chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng phục vụ lễ hội do cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Sở Xây dựng quản lý việc chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng phục vụ lễ hội. Cá nhân, tổ chức thực hiện chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng phục vụ lễ hội thực hiện theo hướng dẫn của Sở Xây dựng.

##### a) Chiếu sáng quảng cáo, trang trí

Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, các quy định hiện hành về quảng cáo; đảm bảo an toàn, thẩm mỹ. Chiếu sáng quảng cáo, trang trí không được có độ chói quá lớn theo hướng nhìn của các phương tiện giao thông cơ giới, gây hiện tượng chói lóa, làm mất an toàn giao thông.

##### b) Chiếu sáng phục vụ lễ hội

Chiếu sáng phục vụ lễ hội phải theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố; các công trình chiếu sáng phục vụ lễ hội phải đảm bảo an toàn cao, tính thẩm mỹ cả ban ngày và ban đêm, đảm bảo đa dạng, độc đáo và tính thẩm mỹ cao của khu vực được tổ chức chiếu sáng. Sử dụng nguồn sáng, thiết bị chiếu sáng tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện xã hội hóa trong tổ chức chiếu sáng phục vụ lễ hội.

#### 9. Chiếu sáng dân lập

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện thực hiện cải tạo, chỉnh trang hệ thống chiếu sáng dân lập theo hướng dẫn do Sở Xây dựng ban hành đối với hẻm, đường nội bộ liên khu phố, liên tổ dân phố trên địa bàn Thành phố có kích thước nhỏ, chiều rộng  $\leq 3m$ .

Đối với hẻm, đường nội bộ liên khu phố, liên tổ dân phố trên địa bàn Thành phố có chiều rộng lớn hơn 3m, Sở Xây dựng có kế hoạch cải tạo, chỉnh trang và quản lý hệ thống chiếu sáng.

### **Điều 6. Đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị**

1. Thi công xây dựng các công trình chiếu sáng đô thị phải thực hiện theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, trong quá trình thi công phải đảm bảo an toàn, thuận tiện



và tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình.

2. Trước khi thi công xây dựng công trình chiếu sáng đô thị, chủ đầu tư và đơn vị thi công phải thông báo biện pháp thi công và ngày khởi công công trình đến cấp thẩm quyền để phối hợp giám sát tình hình thực hiện.

3. Đơn vị thi công xây dựng công trình chiếu sáng đô thị là đơn vị có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, thiết bị theo quy định của pháp luật. Đơn vị thi công xây dựng công trình chiếu sáng đô thị phải đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thi công. Đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

4. Quá trình thi công cải tạo hệ thống chiếu sáng đô thị hiện hữu, đơn vị thi công phải có trách nhiệm đảm bảo ánh sáng tại khu vực bị ảnh hưởng, không làm gián đoạn để đảm bảo an toàn giao thông và an ninh trật tự tại khu vực.

5. Chủ đầu tư, đơn vị thi công công trình chiếu sáng đô thị phải tuân thủ quy định hiện hành về việc lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình.

6. Sau khi đầu tư xây dựng hoàn thành hệ thống chiếu sáng đô thị, chủ đầu tư thực hiện bàn giao về Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp nhận và phân công, giao quản lý cho đơn vị có thẩm quyền quản lý hệ thống chiếu sáng đô thị tổ chức quản lý theo quy định.

### **Điều 7. Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị**

1. Đơn vị có thẩm quyền quản lý hệ thống chiếu sáng đô thị là chủ sở hữu, tổ chức quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng và đầu tư xây dựng chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố được phân cấp quản lý.

2. Đơn vị có thẩm quyền quản lý hệ thống chiếu sáng đô thị có trách nhiệm thực hiện công tác duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị theo hướng dẫn của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đơn vị có thẩm quyền quản lý hệ thống chiếu sáng đô thị có trách nhiệm tổ chức điều chỉnh thời gian hoạt động của hệ thống chiếu sáng đô thị, đảm bảo thời gian hoạt động của hệ thống chiếu sáng đô thị phù hợp với tình hình thời tiết thực tế của Thành phố, đảm bảo tiết kiệm điện và an toàn giao thông. Đối với hệ thống chiếu sáng trang trí phải vận hành theo 02 chế độ: chế độ ngày thường và chế độ ngày chủ nhật, ngày lễ, tương ứng với các công suất tiêu thụ khác nhau để đảm bảo thẩm mỹ và tiết kiệm điện. Áp dụng các biện pháp giảm điện năng tiêu thụ nhưng phải đảm bảo an toàn trong các thời gian lưu lượng giao thông thấp (từ 23 giờ đến sáng hôm sau).

Riêng ngày lễ, ngày Tết và kế hoạch theo mục tiêu cụ thể khác thì Sở Xây dựng có yêu cầu cụ thể.

### **Điều 8. Công tác tiếp nhận và phân công, giao quản lý hệ thống chiếu sáng đô thị**

Đối với hệ thống chiếu sáng đô thị được đầu tư xây dựng, sau khi công trình hoàn thành và được nghiệm thu theo quy định hiện hành. Phân công Sở Xây dựng xem xét tiếp nhận và giao quản lý hệ thống chiếu sáng đô thị.

### **Điều 9. Bảo vệ hệ thống chiếu sáng đô thị**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện và Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chính trong việc bảo vệ tài sản của hệ thống chiếu sáng đô thị được giao sở hữu. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc xử lý về xâm hại gây hư hỏng và trộm cắp tài sản của hệ thống chiếu sáng đô thị.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện và Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Công an Thành phố trong công tác bảo vệ tài sản của hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn được giao quản lý theo quy định hiện hành.

3. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm

a) Thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ hệ thống điện chiếu sáng đô thị.

b) Kịp thời thông báo đến Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Công an Thành phố và Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh khi phát hiện các xâm hại hư hỏng, trộm cắp tài sản của hệ thống chiếu sáng đô thị.

### **Điều 10. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về chiếu sáng đô thị**

Các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân sử dụng điện chiếu sáng an toàn, đúng mục đích; sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về chiếu sáng đô thị.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP**

### **Điều 11. Các Sở, ngành**

#### **1. Sở Xây dựng**

a) Thực hiện quản lý nhà nước về chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố và tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu về chiếu sáng đô thị phục vụ công tác quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố.

b) Chủ trì việc tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư dài hạn, ngắn hạn hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt.

c) Thẩm định hoặc tham gia ý kiến thiết kế đối với lĩnh vực chiếu sáng đô thị theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo cho công tác quản lý vận hành và duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị.

d) Chịu trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng và các hoạt động khác liên quan đến hệ thống chiếu sáng đô thị theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị.

#### **2. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền phổ biến đầy đủ nội dung quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Phối hợp, hướng dẫn Trung tâm Quản lý hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh tích hợp cơ sở dữ liệu chiếu sáng đô thị về kho dữ liệu dùng chung của Thành phố và sẵn sàng kết nối với Trung tâm điều hành đô thị thông minh.

#### **3. Sở Quy hoạch Kiến trúc**

Chủ trì tổ chức thẩm định quy hoạch chiếu sáng đô thị và có ý kiến góp ý hướng dẫn, quản lý chiếu sáng đô thị.

#### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua

chủ trương đầu tư công các công trình liên quan đến xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị Thành phố.

#### 5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Xây dựng đề cân đối, bố trí dự toán ngân sách hàng năm đảm bảo cho hoạt động quản lý vận hành và duy tu bảo dưỡng.

Bố trí kinh phí cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện đảm bảo cho hoạt động quản lý, vận hành và duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng dân lập theo phân cấp.

#### 6. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì thực hiện thủ tục về chấp thuận xây dựng công trình và cấp phép thi công các công trình đầu tư công liên quan đến xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị trên đường bộ đang khai thác do Sở Giao thông vận tải quản lý.

b) Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông vận tải phối hợp với Thanh tra xây dựng kiểm tra xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

#### 7. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân quận - huyện đảm bảo nguồn điện cung cấp cho hệ thống chiếu sáng đô thị và dân lập đối với hẻm, đường nội bộ (đường liên khu phố, liên tổ dân phố trên địa bàn Thành phố) có kích thước nhỏ  $\leq 3m$ .

#### 8. Công an Thành phố

Chỉ đạo các lực lượng Công an thành phố Thủ Đức và quận - huyện, phối hợp với các lực lượng của Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân quận - huyện kiểm tra, xử lý kịp thời các xâm hại gây hư hỏng và trộm cắp tài sản của hệ thống chiếu sáng đô thị.

#### 9. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện

a) Tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến quy định này và yêu cầu các tổ chức, cá nhân trên địa bàn nghiêm túc thực hiện.

b) Có trách nhiệm chính trong việc bảo vệ tài sản của hệ thống chiếu sáng dân lập. Thường xuyên tuần tra, theo dõi hệ thống chiếu sáng, đồng thời tăng cường tuyên truyền người dân bảo vệ tài sản công và tố giác hành vi phá hoại tài sản hệ thống

chiếu sáng đô thị trên địa bàn quản lý.

c) Chỉ đạo xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng dân lập theo phân cấp.

d) Xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định này theo thẩm quyền và địa bàn quản lý.

đ) Thông báo kịp thời cho các cơ quan có chức năng những vi phạm nội dung của Quy định này và các quy định pháp lý khác.

10. Đơn vị có thẩm quyền quản lý hệ thống chiếu sáng đô thị

a) Chủ sở hữu, tổ chức quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng và đầu tư xây dựng chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố theo quy định hiện hành.

b) Có trách nhiệm chính trong việc bảo vệ tài sản của hệ thống chiếu sáng đô thị được giao sở hữu. Xây dựng quy chế phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc xử lý về xâm hại gây hư hỏng và trộm cắp tài sản của hệ thống chiếu sáng đô thị.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan để hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những nội dung cần phải điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp, các đơn vị, Sở, ngành phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2351/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2022

#### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân loại đơn vị hành chính phường sau khi thực hiện  
sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14**

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 3 (tại Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022, Công văn số 417/UBND ngày 19 tháng 5 năm 2022); Ủy ban nhân dân Quận 4 (tại Tờ trình số 23, 24/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022); Ủy ban nhân dân Quận 5 (tại Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022); Ủy*

*ban nhân dân Quận 10 (tại Tờ trình số 1879/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022); Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận (tại Tờ trình số 702/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021); Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức (tại Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2022) và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2901/TTr-SNV ngày 30 tháng 6 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân loại đơn vị hành chính phường sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (kèm Danh sách các phường).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phường, xã, thị trấn còn lại giữ nguyên phân loại đơn vị hành chính theo Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2012; Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018; Quyết định số 4002/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2018; Quyết định số 4444/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 3, 4, 5, 10, Phú Nhuận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường kèm theo danh sách nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **DANH SÁCH**

**Phân loại đơn vị hành chính phường sau khi thực hiện  
sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2351/QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)**

### **I. PHƯỜNG LOẠI I**

1. Phường Võ Thị Sáu, Quận 3;
2. Phường 2, Quận 4;
3. Phường 13, Quận 4;
4. Phường 12, Quận 5;
5. Phường 2, Quận 10;
6. Phường 11, quận Phú Nhuận;
7. Phường 13, quận Phú Nhuận;
8. Phường An Khánh, thành phố Thủ Đức.

### **II. PHƯỜNG LOẠI II**

1. Phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức./.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2360/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 7 và lớp 10  
sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2022 - 2023  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 về Điều chỉnh lộ trình thực hiện việc triển khai áp dụng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2105/TTr-SGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục sách giáo khoa lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2022 - 2023.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **DANH MỤC**

**Sách giáo khoa lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông  
từ năm học 2022 - 2023 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2360/QĐ-UBND*

*ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

### **1. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7**

<b>Môn</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
<b>1. Toán</b>	Toán 7, tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh	Giáo dục Việt Nam
	Toán 7, tập 2 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh	Giáo dục Việt Nam
	Toán 7, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên) Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
	Toán 7, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên) Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam

	Toán 7, tập 1 (Cánh điều)	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
	Toán 7, tập 2 (Cánh điều)	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
<b>2. Ngữ văn</b>	Ngữ văn 7 tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (Đồng chủ biên), Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 7 tập 2 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (Đồng chủ biên), Nguyễn Thành Bảo Ngọc, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 7, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (Đồng chủ biên) Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương,	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 7, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (Đồng chủ biên) Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu.	Giáo dục Việt Nam
<b>3. Tin học</b>	Tin học 7 (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê.	Đại học Sư phạm
	Tin học 7 (Chân trời sáng tạo)	Quách Tất Kiên (Tổng chủ biên, Chủ biên), Phạm Duy Phượng chi, Quách Tất Hoàn, Hồ Thị Hồng	Giáo dục Việt Nam
<b>4. Khoa học tự</b>	Khoa học tự nhiên 7 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp; Tống	Giáo dục Việt Nam

<b>nhiên</b>		Xuân Tám (đồng chủ biên), Nguyễn Công Chung; Trần Hoàng Đương; Phạm Thị Hương; Phạm Thị Lịch; Trần Thị Kim Ngân; Trần Hoàng Nghiêm; Lê Cao Phan; Trần Ngọc Thắng; Nguyễn Tấn Trung	
	Khoa học tự nhiên 7 (Cánh diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo; Nguyễn Văn Khánh; Đặng Thị Oanh (Đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên; Đào Tuấn Đạt; Phan Thị Thanh Hội; Ngô Văn Hưng; Đỗ Thanh Hữu; Đỗ Thị Quỳnh Mai; Phạm Xuân Quế; Trương Anh Tuấn; Ngô Văn Vụ	Đại học sư phạm
<b>5. Lịch sử và Địa lí</b>	Lịch sử và Địa lí 7 (Chân trời sáng tạo)	Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (đồng Chủ biên phần Lịch sử); Trần Văn Nhân, Nguyễn Kim Tường Vy, Nguyễn Trà My, Hồ Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hòa; Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí); Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (đồng chủ biên phần Địa lí); Vũ Thị Bắc, Trần Ngọc Diệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung.	Giáo dục Việt Nam
	Lịch sử và Địa lí 7 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
<b>6. Tiếng Anh</b>	Tiếng Anh 7 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết	Đại học Sư phạm TP Hồ

		Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	Chí Minh
	Tiếng Anh 7 Friends Plus	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Vũ Vạn Xuân, Trần Nguyễn Thụy Thoại Lan.	Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Anh 7 Right on!	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên.	Đại học Sư phạm TP HCM
	Tiếng Anh 7 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Anh 7 Macmillan Motivate!	Hoàng Tăng Đức (Tổng Chủ biên), Cấn Thị Chang Duyên (Chủ biên), Khoa Anh Việt.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
<b>7. Nghệ thuật</b>	Âm nhạc 7 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (Đồng tổng chủ biên); Nguyễn Văn Hào (Chủ biên); Lương Diệu Anh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My	Giáo dục Việt Nam
	Âm nhạc 7 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Hiên (Tổng chủ biên kiêm chủ biên); Nguyễn Mai Anh, Lại Thị Phương Thảo, Vũ Ngọc Tuyên	Đại học Sư phạm TP. HCM
	Âm nhạc 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (Đồng tổng chủ biên); Vũ Mai Lan (Chủ biên); Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
	Mỹ thuật 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng chủ biên); Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (Đồng chủ biên); Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Giáo dục Việt Nam
	Mỹ thuật 7 (Chân trời	Nguyễn Thị May (Tổng chủ biên); Hoàng Minh Phúc (Chủ biên); Trần	Giáo dục Việt Nam

	sáng tạo 2)	Đoàn Thanh Ngọc, Lâm Yến Như	
	Mỹ thuật 7 (Cánh Diều)	Phạm Văn Tuyền (Tổng chủ biên kiêm chủ biên); Ngô Thị Hương, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm	Đại học Sư phạm TP. HCM
<b>8. Công nghệ</b>	Công nghệ 7 (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Dương Văn Nhiệm (Chủ biên), Phạm Thị Lam Hồng, Nguyễn Thị Ái Nghĩa, Nguyễn Thị Vinh.	Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
	Công nghệ 7 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Nguyễn Tiến Lực, Quách Văn Thiêm, Nguyễn Thị Thúy	Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo dục Việt Nam
<b>9. Hoạt động trải nghiệm</b>	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Chân trời sáng tạo 2)	Đinh Thị Kim Thoa ( Tổng Chủ biên); Vũ Đình Bảy ( Chủ biên); Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Đồng Văn Toàn, Huỳnh Mộng Tuyên.	Giáo dục Việt Nam
	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa- Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Bích Liên ( Chủ biên); Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam
<b>10. Giáo dục Công dân</b>	Giáo dục công dân 7 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam.	Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục công dân 7 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang	Đại học Huế
<b>11. Giáo</b>	Giáo dục thể chất 7	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên),	Giáo dục

<b>đọc thể chất</b>	(Chân trời sáng tạo)	Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Trần Thái Ngọc, Phạm Thái Vinh.	Việt Nam
	Giáo dục thể chất 7 (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Trãi, Đặng Thị Thu Thủy.	Đại học Sư phạm
	Giáo dục thể chất 7 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chân Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo dục Việt Nam

## 2. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10

<b>Môn</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
<b>1. Toán</b>	Toán 10 Tập 1; 2 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Thành Anh, Vũ Như Thư Hương, Ngô Hoàng Long, Phạm Hoàng Quân, Phạm Thị Thu Thủy	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Toán 10 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Thành Anh, Vũ Như Thư Hương, Ngô Hoàng Long, Phạm Hoàng Quân, Phạm Thị Thu Thủy	Giáo dục Việt Nam
	Toán 10 Tập 1;2 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương, Phạm Hoàng Quân	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Toán 10 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương, Phạm Hoàng Quân	Giáo dục Việt Nam



<b>2. Ngữ văn</b>	Ngữ văn 10 Tập 1,2 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phạm Ngọc Lan, Tăng Thị Tuyết Mai, Đinh Phan Cẩm Vân.	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Văn Tùng (đồng Chủ biên), Lê Thị Ngọc Ánh, Trần Lê Duy, Võ Thị Phúc Hồng, Trần Minh Hương, Huỳnh Vũ Lam, Nguyễn Thị Hồng Nam, Hồ Trần Ngọc Oanh.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 10 Tập 1,2 (Cánh diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Thanh (Chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Tuyết Minh, Trần Văn Sáng.	Đại học Huế
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Cánh diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (Đồng Tổng Chủ biên), Vũ Thanh (Chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hương.	Đại học Huế
	Ngữ văn 10 Tập 1,2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong.	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân.	Giáo dục Việt Nam
	<b>3. Tin học</b>	Tin học 10 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Đỗ Đức Đông, Nguyễn Đình Hóa, Lê Minh Hoàng, Nguyễn Thế

		Lộc, Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Thanh Tùng	
	Chuyên đề học tập Tin học 10 - Tin học ứng dụng (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Phạm Đăng Hải, Nguyễn Thanh Tùng	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Tin học 10 - Khoa học máy tính (Cánh điều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hoàng Văn Đông, Trần Quốc Long	Đại học Sư phạm
	Tin học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 10 - Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Dương Quỳnh Nga, Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 10 - Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng chủ biên), Bùi Việt Hà (Chủ biên), Lê Việt Thành, Trương Võ Hữu Thiên	Giáo dục Việt Nam
<b>4. Hóa học</b>	Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn	Giáo dục Việt Nam
	Hóa học 10 (Cánh Điều)	Trần Thành Hué (Tổng Chủ biên), Nguyễn Ngọc Hà (Chủ biên), Dương Bá Vũ	Đại học Sư Phạm

	Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Cánh Diều)	Trần Thành Huế (Tổng Chủ biên), Nguyễn Ngọc Hà (Chủ biên)	Đại học Sư Phạm
<b>5. Sinh học</b>	Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Hoàng Đương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Hoàng Đương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
	Sinh học 10 (Cánh diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Bảo (Chủ biên), Lê Thị Phương Hoa, Ngô Văn Hưng, Trần Thị Thúy, Đoàn Văn Thược	Đại học Sư Phạm
	Chuyên đề học tập Sinh học 10 (Cánh diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Bảo (Chủ biên), Phạm Duệ Thanh, Trần Thị Thúy, Nguyễn Thị Hồng Vân	Đại học Sư Phạm
<b>6. Vật Lí</b>	Vật lí 10 (Chân trời sáng tạo)	Phạm Nguyễn Thành Vinh (Chủ biên), Nguyễn Lâm Duy, Đoàn Hồng Hà, Bùi Quang Hân, Đỗ Xuân Hội, Đào Quang Thiều, Trương Đăng Hoài Thu, Trần Thị Mỹ Trinh.	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 10 (Chân trời sáng tạo)	Phạm Nguyễn Thành Vinh (Chủ biên), Đoàn Hồng Hà, Trần Dương Anh Tài, Trương Đăng Hoài Thu.	Giáo dục Việt Nam
	Vật lí 10 (Cánh Diều)	Nguyễn Văn Khánh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Đức Ánh, Đào Tuấn Đạt, Cao Tiến Khoa, Đoàn Thị Hải Quỳnh, Trần Bá Trình, Trương Anh Tuấn.	Đại học Sư phạm TP.HCM
	Chuyên đề học tập Vật lí 10 (Cánh Diều)	Nguyễn Văn Khánh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Đức Ánh, Đoàn Thị Hải Quỳnh, Trần Bá Trình.	Đại học Sư phạm TP.HCM
<b>7. Lịch</b>	Lịch sử 10	Hà Minh Hồng (Chủ biên), Phạm Thu	Giáo dục

<b>sử</b>	(Chân trời sáng tạo)	Hà, Trần Thị Mai, Trần Thuận, Trần Nam Tiến, Nguyễn Thanh Tiến, Trần Thị Thanh Vân, Nguyễn Kim Tường Vy	Việt Nam
	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	Hà Minh Hồng (Chủ biên), Phạm Thu Hà, Trần Thị Mai, Trần Thuận, Trần Nam Tiến, Nguyễn Thanh Tiến, Trần Thị Thanh Vân, Nguyễn Kim Tường Vy	Giáo dục Việt Nam
	Lịch sử 10 (Cánh diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Thu Hiền, Tống Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Mạnh Hường	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Cánh diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thu Hiền	Đại học Sư phạm
<b>8. Địa Lý</b>	Địa Lý 10 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên) Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (Chủ biên), Đỗ Thị Hoài, Lâm Thị Xuân Lan, Hoàng Thị Kiều Oanh, Lê Thị Hồng Quế, Hoàng Trọng Tuấn, Trần Quốc Việt.	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa Lý 10 (Chân trời sáng tạo)	Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (Đồng chủ biên), Hoàng Thị Kiều Oanh, Lê Thị Hồng Quế, Hoàng Trọng Tuấn, Trần Quốc Việt.	Giáo dục Việt Nam
	Địa Lý 10 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh, Lê Mỹ Dung	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Địa Lý 10 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh	Đại học Sư phạm
<b>9. Tiếng Anh</b>	Tiếng Anh 10 Friends Global	Vũ Mỹ Lan (Chủ biên), Huỳnh Đông Hải, Nguyễn Thùy Liên, Huỳnh Ngọc Thùy Trang, Trần Thụy Thùy Trinh	Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Anh 10	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên),	Giáo dục

	Global Success	Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Vũ Hải Hà, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng	Việt Nam
	Tiếng Anh 10 Bright	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Đại học Huế
<b>10. Mỹ thuật</b>	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 10 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị May	Giáo dục Việt Nam
	Mỹ thuật 10 - Hội họa ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh	Giáo dục Việt Nam
	Mỹ thuật 10 - Thiết kế thời trang ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Lê Thị Hà, Lê Thị Kiều Trang	Giáo dục Việt Nam
	Mỹ thuật 10 - Đồ họa (Tranh in) ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị May, Hoàng Minh Phúc	Giáo dục Việt Nam
	Mỹ thuật 10 - Thiết kế Mỹ thuật Sân khấu, Điện ảnh ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Nguyễn Hữu Phần, Trần Thanh Việt	Giáo dục Việt Nam
	Mỹ thuật 10 - Thiết kế mỹ thuật Đa phương tiện ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Vũ Quốc Khánh	Giáo dục Việt Nam
	Mỹ thuật 10 - Kiến trúc ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Vũ Hồng Cương, Trần Ngọc Thanh Trang	Giáo dục Việt Nam
	Mỹ thuật 10 -	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên),	Giáo dục

	Thiết kế đồ họa ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Phạm Duy Anh (Chủ biên), Vương Quốc Chính	Việt Nam
	Mĩ thuật 10 - Thiết kế Công nghiệp ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Đỗ Đình Tuyền	Giáo dục Việt Nam
	Mĩ thuật 10 - Điêu khắc ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Đinh Gia Lê	Giáo dục Việt Nam
	Mĩ thuật 10 - Lý luận và Lịch sử Mĩ thuật ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Đào Thị Thúy Anh, Trịnh Sinh	Giáo dục Việt Nam
<b>11. Âm nhạc</b>	Âm nhạc 10 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dung (Chủ biên), Trần Đức, Lê Minh Phước, Trần Hoàng Thị Ái Cẩm	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dung (Chủ biên), Trần Đức, Lê Minh Phước, Trần Hoàng Thị Ái Cẩm	Giáo dục Việt Nam
	Âm nhạc 10 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Phạm Phương Hoa (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Phạm Phương Hoa (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Phạm Xuân Cung, Nguyễn Đỗ Hiệp,	Giáo dục Việt Nam
<b>12. Công nghệ</b>	Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Võ Thị Như Uyên	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Cường (Chủ biên), Phạm	Giáo dục Việt Nam

	10: Thiết kế và công nghệ. (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Văn Sơn	
	Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Lê Ngọc Anh, Nguyễn Anh Đức, Bùi Thị Thu Hương, Vũ Văn Liệt, Nguyễn Ích Tân, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt. (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Cánh Diều)	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thế Công (Chủ biên), Nguyễn Trọng Doanh, Ngô Văn Thanh, Tống Ngọc Tuấn, Chu Văn Vượng	Đại học Huế
	Chuyên đề học tập công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ. (Cánh Diều)	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thế Công (Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Ngô Văn Thanh, Nguyễn Cẩm Thanh, Chu Văn Vượng	Đại học Huế
	Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng (Chủ biên), Vũ Thanh Hải, Nguyễn Công Ước, Bùi Thị Hải Yến	Đại học Huế
	Chuyên đề học tập công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt. (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng (Chủ biên), Vũ Thanh Hải, Bùi Thị Hải Yến	Đại học Huế
<b>13. Hoạt động trải nghiệm và</b>	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 ( <i>Chân trời sáng tạo 1</i> )	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (Đồng Tổng Chủ biên), Vũ Phương Liên, Cao Thị Châu Thủy (Đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Lại Thị Yến Ngọc, Đỗ Phú Trần Tinh	Giáo dục Việt Nam

<b>hướng nghiệp</b>	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Cánh diều)	Nguyễn Dục Quang (Tổng chủ biên), Hoàng Gia Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Hồng, Bùi Thanh Xuân	Đại học Huế
<b>14. Giáo dục kinh tế và pháp luật</b>	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng chủ biên), Đỗ Công Nam-Phạm Mạnh Thắng (đồng Chủ biên), Nguyễn Duy Dũng, Nguyễn Ngọc Hoa Đăng, Trần Nguyễn Quang Hạ, Nguyễn Trần Minh Hải, Lê Nhân Mỹ, Đỗ Thị Nguyệt, Vũ Thị Bích Thúy, Nguyễn Trọng Tuấn, Giang Thiên Vũ.	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng chủ biên), Đỗ Công Nam-Phạm Mạnh Thắng (đồng Chủ biên), Nguyễn Duy Dũng, Đỗ Thị Nguyệt, Giang Thiên Vũ.	Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Phạm Thị Hồng Điệp, Dương Thúy Nga, Trần Thị Diệu Oanh, Nguyễn Nhật Tân, Trần Văn Thắng, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận.	Đại học Huế
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Phạm Thị Hồng Điệp, Dương Thúy Nga, Trần Thị Diệu Oanh, Nguyễn Nhật Tân, Trần Văn Thắng, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận.	Đại học Huế
<b>15. Giáo dục Thể chất</b>	Giáo dục Thể chất: Bóng đá 10 (Cánh diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên) Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Đức Anh, Nguyễn Văn Thành, Đinh Thị Mai Anh	Đại học Sư phạm
	Giáo dục Thể chất: Bóng rổ 10 (Cánh diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Đinh Thị Mai Anh	Đại học Sư phạm
	Giáo dục Thể chất	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên) Đinh	Đại học



	chất: Cầu lông 10 (Cánh điều)	Quang Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Đức Anh, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Sư phạm
	Giáo dục Thể chất: Đá cầu 10 (Cánh điều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên) Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc, Mạc Xuân Tùng, Đinh Thị Mai Anh	Đại học Sư phạm
	Giáo dục Thể chất: Bóng chuyền 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên), Hồ Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục Thể chất: Bóng đá 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chân Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền	Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục Thể chất: Cầu lông 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Ngô Việt Hoàn (Chủ biên), Nguyễn Hữu Bình, Mai Thị Ngoãn, Trần Văn Vinh	Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục Thể chất: Bóng rổ 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Đặng Hà Việt	Giáo dục Việt Nam
<b>16. Giáo dục Quốc phòng và An ninh</b>	GDQP&AN lớp 10 (Cánh Điều)	Nguyễn Thiện Minh (Tổng chủ biên), Lê Hoài Nam (Chủ biên), Nguyễn Đức Hạnh, Phí Văn Hạnh, Nguyễn Ngọc Huynh, Ưông Thiện Hoàng, Hoàng Lê Nam, Vũ Thị Nga, Nguyễn Văn Tình, Phạm Hữu Tuấn, Nguyễn Thanh Sơn, Lương Hồng Sinh.	Đại học Sư phạm TP.HCM
	GDQP và AN lớp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên), Đoàn Chí Kiên (chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Hoàng Việt Long, Doãn Văn Nghĩa, Vũ Văn Ninh.	Giáo dục Việt Nam

Danh mục gồm 31 sách giáo khoa lớp 7 và 51 sách giáo khoa lớp 10 ./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2361/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2022*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3  
sử dụng trong các cơ sở giáo dục tiểu học từ năm học 2022 - 2023  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 về Điều chỉnh lộ trình thực hiện việc triển khai áp dụng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2150/TTr-SGDĐT ngày 27 tháng 6 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục sách giáo khoa lớp 3 sử dụng trong các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2022 - 2023.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC  
SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3 SỬ DỤNG TRONG CÁC CƠ SỞ  
GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TỪ NĂM HỌC 2022 - 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

<b>TT</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
1.	<b>Tiếng Việt 3</b>	- Tập 1: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền. - Tập 2: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Kim Bích Loan, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.	<b>Tiếng Việt 3</b>	- Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng. - Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.	<b>Toán 3</b>	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4.	<b>Toán 3</b>	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5.	<b>Đạo đức 3</b>	Huỳnh Văn Sơn (Tổng chủ biên), Mai Mỹ Hạnh, Phạm Quỳnh (đồng Chủ biên), Lê Quỳnh Chi, Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
		Hương, Giang Thiên Vũ.	
6.	<b>Đạo đức 3</b>	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thanh Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7.	<b>Tự nhiên và Xã hội 3</b>	Đỗ Xuân Hội (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng, Trần Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8.	<b>Tự nhiên và Xã hội 3</b>	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9.	<b>Hoạt động trải nghiệm 3</b>	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10.	<b>Hoạt động trải nghiệm 3</b>	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11.	<b>Âm nhạc 3</b>	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12.	<b>Âm nhạc 3</b>	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (đồng Tổng chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Nguyễn Đăng Bửu, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13.	<b>Mĩ thuật 3</b>	Nguyễn Thị Nhung (Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

<b>TT</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
14.	<b>Mĩ thuật 3</b>	Hoàng Minh Phúc (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị May (Chủ biên), Đỗ Việt Hoàng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
15.	<b>Giáo dục thể chất 3</b>	Phạm Thị Lệ Hằng (Tổng chủ biên), Bùi Ngọc Bích (Chủ biên), Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
16.	<b>Giáo dục thể chất 3</b>	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
17.	<b>Công nghệ 3</b>	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
18.	<b>Công nghệ 3</b>	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
19.	<b>Tin học 3</b>	Quách Tất Kiên (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Thị Hồng Nhung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
20.	<b>Tin học 3</b>	Nguyễn Tương Tri (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Phúc Xuân Quỳnh.	Nhà xuất bản Đại học Huế
21.	<b>Tiếng Anh 3 (Family and Friends – National Edition)</b>	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
22.	<b>Tiếng Anh 3 (I-Learn Smart Start)</b>	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

<b>TT</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
23.	<b>Tiếng Anh 3 (Wonderful World)</b>	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên), Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh, Trần Thị Anh Thư.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
24.	<b>Tiếng Anh 3 (Global Success)</b>	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

*Danh sách trên có tổng cộng 24 bản sách./.*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2380/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1968/TTr - SKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 10 (mười) thủ tục hành chính lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ gồm: 04 (bốn) thủ tục hành chính sửa đổi, 03 (ba) thủ tục hành chính thay thế và 03 (ba) thủ tục hành chính bị bãi bỏ (trong đó có 02 thủ tục bãi bỏ do được thay thế).



Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho:

- Thủ tục hành chính có thứ tự A.I.25 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Các thủ tục hành chính có thứ tự A.I.1, A.I.2, A.I.3, A.I.4, A.I.5 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 4795/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

- Thủ tục hành chính có thứ tự 1 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 5602/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ,  
AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN, HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
<b>LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN</b>						
1	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí.	Sở Khoa học và Công nghệ (số 244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	- Phí thẩm định cấp giấy phép: + Thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Năng lượng nguyên tử;	Kết quả thực hiện: bổ sung văn bản trả lời và nêu rõ lý do

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
				đồng/1 thiết bị + Thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính: 8.000.000 đồng/1 thiết bị + Hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/1 thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;</li> <li>- Quyết định số 3950/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
					<p>năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 546/QĐ-BKHHCN ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	
2	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí.	Sở Khoa học và Công nghệ (số 244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	<p>-Phí thẩm định gia hạn giấy phép: 75% mức thu phí thẩm định lần đầu, cụ thể mức thu như sau:</p> <p>+ Thiết bị X-quang chụp răng: 1.500.000 đồng/1 thiết bị</p> <p>+ Thiết bị X-quang chụp vú: 1.500.000 đồng/1 thiết bị</p> <p>+ Thiết bị X-quang di động: 1.500.000 đồng/1 thiết bị</p> <p>+ Thiết bị X-quang</p>	<p>- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Thông tư số 116/2021/TT-BTC</p>	Kết quả thực hiện: bổ sung văn bản trả lời và nêu rõ lý do

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
				chẩn đoán thông thường: 2.250.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị đo mật độ xương: 2.250.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 3.750.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính: 6.000.000 đồng/1 thiết bị + Hệ thiết bị PET/CT: 12.000.000 đồng/1 thiết bị	ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Quyết định số 3950/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
					Công nghệ; - Quyết định số 546/QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
3	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Khoa học và Công nghệ (số 244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2021 của	Kết quả thực hiện: bổ sung văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
					<p>Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;</li> <li>- Quyết định số 3950/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
					Công nghệ; - Quyết định số 546/QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
4	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu khai báo.	Sở Khoa học và Công nghệ (số 244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2021 của	Kết quả thực hiện: Bổ sung văn bản trả lời và nêu rõ lý do



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
					<p>Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Quyết định số 3950/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
					Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 546/QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.	

### B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
<b>LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN</b>						
1	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Khoa học và Công nghệ (số 244 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15	Kết quả thực hiện: bổ sung văn bản trả lời và nêu rõ lý do

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
					<p>tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Quyết định số 3950/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
					<p>bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 546/QĐ-BKHHCN ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	
2	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Khoa học và Công nghệ (số 244 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<p>- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15</p>	Kết quả thực hiện: bổ sung văn bản trả lời và nêu rõ lý do

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
					<p>tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Quyết định số 3950/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 546/QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
					hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
3	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí.	Sở Khoa học và Công nghệ (số 244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	-Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ: 200.000 đồng/1 chứng chỉ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;</li> <li>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Năng lượng nguyên tử;</li> <li>- Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số</li> </ul>	Kết quả thực hiện: Bổ sung văn bản trả lời và nêu rõ lý do

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (đối chiếu công bố của Bộ với quy định)
					<p>142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Quyết định số 3950/QĐ-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 546/QĐ-BKHHCN ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>		
1	Giao quyền sở hữu,	- Thông tư số 02/2020/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
	quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước tại Thành phố	<p>nghệ về hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;</p> <p>- Quyết định số 802/QĐ-BKHHCN ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ Về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
<b>II. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN</b>		
1	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	<p>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Quyết định số 3950/QĐ-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>(được thay thế bởi Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế và Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)</p>
2	Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ	<p>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;</p> <p>- Quyết định số 3950/QĐ-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>(được thay thế bởi Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).</p>



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2415/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, 15 háng 7 năm 2022*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động xây dựng,  
Quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban  
Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp tại Tờ trình số 1786/TTr-BQL ngày 24 tháng 6 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng, Quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ

<https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố cho thủ tục có thứ tự III.1, III.2, III.3, III.4, III.5 ban hành kèm theo Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG,  
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ**

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng</b>						
1.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, Quận 1)	150.000 đồng Trường hợp đăng ký trực tuyến mức độ 3, mức độ 4: Giảm 50% lệ phí (áp dụng từ ngày 03 tháng 9 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022)	- Luật Xây dựng năm 2014 và năm 2020. - Luật Môi trường năm 2020. - Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;	<b>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện:</b> Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố. <b>2. Điều chỉnh cách thức thực hiện:</b> Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</li> <li>- Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố</li> </ul>	<p>nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p> <p><b>3. Điều chỉnh cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>quy định một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết 18/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố.</li> <li>- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</li> <li>- Nghị quyết 14/2021/NQ-HĐND ngày 24/8/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về giảm lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4</li> </ul>	

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	
2.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn	20 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, Quận 1)	150.000 đồng Trường hợp đăng ký trực tuyến mức độ 3, mức độ 4: Giảm 50% lệ phí (áp dụng từ ngày 03 tháng 9 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022)	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và năm 2020.</p> <p>- Luật Môi trường năm 2020.</p> <p>- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;</p> <p>- Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ</p>	<p><b>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện:</b> cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p> <p><b>2. Điều chỉnh cách thức thực hiện:</b> Người đề nghị thẩm định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)				<p>sung một số Điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>- Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</p> <p>- Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của</p>	<p>đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p> <p><b>3. Điều chỉnh cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Ủy ban nhân dân Thành phố quy định một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết 18/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</li> <li>- Nghị quyết 14/2021/NQ-HĐND ngày 24/8/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về giảm lệ phí thực hiện</li> </ul>	



ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	
3.	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo	20 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, Quận 1)	150.000 đồng Trường hợp đăng ký trực tuyến mức độ 3, mức độ 4: Giảm 50% lệ phí (áp dụng từ ngày 03 tháng 9 năm 2021 đến hết ngày 31	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và năm 2020.</p> <p>- Luật Môi trường năm 2020.</p> <p>- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;</p> <p>- Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi</p>	<p><b>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện:</b> cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p> <p><b>2. Điều chỉnh cách thức thực hiện:</b> Người đề nghị thẩm định nộp hồ sơ trực</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)			tháng 12 năm 2022)	<p>hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</li> </ul>	<p>tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p> <p><b>3. Điều chỉnh cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố;</li> <li>- Nghị quyết 18/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố.</li> <li>- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</li> <li>- Nghị quyết 14/2021/NQ-HĐND ngày 24/8/2021 của</li> </ul>	

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Hội đồng nhân dân Thành phố về giảm lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	
4.	<p>Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, Quận 1)</p>	<p>15.000 đồng Trường hợp đăng ký trực tuyến mức độ 3, mức độ 4: Giảm 50% lệ phí (áp dụng từ ngày 03 tháng 9 năm</p>	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và năm 2020. - Luật Môi trường năm 2020. - Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính</p>	<p><b>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện:</b> cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố. <b>2. Điều chỉnh cách thức thực hiện:</b></p>

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.			2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022)	<p>phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>- Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên</p>	<p>Người đề nghị thẩm định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp.</p> <p><b>3. Điều chỉnh cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>- Nghị quyết 18/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</li> </ul>	

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết 14/2021/NQ-HĐND ngày 24/8/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về giảm lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> </ul>	
5.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, Quận 1)	15.000 đồng Trường hợp đăng ký trực tuyến mức độ 3, mức độ 4: Giảm 50% lệ phí (áp dụng từ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và năm 2020.</li> <li>- Luật Môi trường năm 2020.</li> <li>- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;</li> </ul>	<b>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện:</b> cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.			ngày 03 tháng 9 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01</li> </ul>	<p><b>2. Điều chỉnh cách thức thực hiện:</b> Người đề nghị thẩm định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp.</p> <p><b>3. Điều chỉnh cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố. Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p>



ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố;</li> <li>- Nghị quyết 18/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong</li> </ul>	

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					giải quyết thủ tục hành chính. - Nghị quyết 14/2021/NQ- HĐND ngày 24/8/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về giảm lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. - - Quyết định số 700/QĐ- BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
<b>II. Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng</b>						
1.	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình	20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường	Không	- Luật Xây dựng năm 2014 và năm 2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết	<b>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện:</b> cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		tác nghiệm thu.	ĐaKao, Quận 1)		<p>một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;</p> <p>- Quyết định 23/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 477/QĐ-LĐTBXH ngày 29/4/2021 của Bộ Xây dựng Về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng</p>	<p>xuất và Công nghiệp Thành phố.</p> <p><b>2. Điều chỉnh cách thức thực hiện:</b> Người đề nghị thẩm định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p> <p><b>3. Điều chỉnh cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố.</p>

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng